

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2023/DS-PT

Ngày: 26/9/2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 225/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2226/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1948; (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977; (có mặt)

1.3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1981; (có mặt)

1.4. Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

1.5. Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1950; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp C xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Hồ Thị Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (*vắng mặt*)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị X, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre. (*có mặt*).

* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Hồng P là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng trình bày:*

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1914, chết năm 1982 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1916, chết năm 1993.

Ông C, bà T có 07 người con: Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn C (chết năm 2011, vợ là Nguyễn Thị H đã chết, con là Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn L), Nguyễn Văn Tr (đã chết, có vợ là bà Lê Thị T, con là Trịnh Thị L), Nguyễn Văn H (đã chết, không có vợ con), Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Đ (đã chết, không có chồng con), Nguyễn Văn H (chết năm 2018).

Trước năm 1975, ông C, bà T có tạo lập nhiều thửa đất. Đến ngày 15/11/1990 (nhằm ngày 29/9/1990 âm lịch), họ tộc cùng anh em ông H, bà S có làm tờ thuận phân và quyết định của dòng họ chia đất, cụ thể ông C được cho 6,5 công, bà N được cho 01 công, bà S được cho 1,5 công, ông Triều được cho 02 công, ông H được cho 13,3 công. Văn bản có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Thanh V, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T chứng kiến.

Từ khi phân chia, bà S quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 1566, 1566B, tờ bản đồ số 05, diện tích khoảng 1.500m² (nay là thửa 225, tờ bản đồ 16), còn ông H sử dụng diện tích 13,5 công trong đó có thửa 1595, tờ bản đồ số 5 (thửa mới là 224, tờ bản đồ 16) là thửa đất đang tranh chấp. Tất cả các thửa đất ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng thửa 1595, tờ bản đồ số 5, ông H không có kê khai do là đất thổ mộ, đến năm 2011 ông H có đứng tên kê khai thửa mới là 224, tờ bản đồ 16 nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Ông H trực tiếp sử dụng phần đất này, đến năm 2008 ông B là con ruột của bà S được Trường Đại học Pyeong Tack của Hàn Quốc tài trợ cất nhà tình thương nên có hỏi xin ông H cất nhà ở nhờ trên đất và được ông H đồng ý, việc ông B hỏi xin cất nhà ở nhờ trên đất chỉ nói miệng chứ không có làm văn bản hay giấy tờ gì. Ngoài ra trên đất ông H có trực tiếp 03 cây dừa, 01 cây khế và chuối như hiện nay.

Thời điểm đo đạc lần đầu ông H thấy diện tích phần đất không có tranh chấp và theo ý nguyện của dòng họ là đất làm thổ mộ ông bà nên ông H chưa có đăng ký kê khai. Do thửa đất tranh chấp nằm liền kề với đất của bà S nên bà S đã đứng tên kê khai lần đầu đối với thửa 1595. Ông H không biết nên không có ngăn cản hay tranh chấp.

Năm 2016, ông H và bà S có tranh chấp phần đất mộ tại thửa 224, tờ bản đồ 16 và hai bên có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải vào ngày 15/01/2016 nhưng không thành, tuy N hai bên không có khởi kiện đến Tòa án. Ông H chết năm 2018, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2021.

Năm 2019, bà S làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình xét cấp đất cho bà S thì bà K có đơn ngăn cản nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất có văn bản số 799 ngày 25/7/2019 trả lại hồ sơ cho bà S do đất có tranh chấp.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân xã B có thông báo bằng giấy mời cho ông H đến để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 224, tờ bản đồ 16 nhưng gia đình ông H chưa đến thì Ủy ban nhân dân xã B lại làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S. Do đó bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2021 là không đúng.

Hiện nay, trên phần đất tranh chấp bà S còn quản lý, sử dụng một phần đất có san lấp làm nền nhà, đối với phần đất còn lại là đất có 07 ngôi mộ của ông bà và có 03 cây dừa, 01 cây khế, 03 bụi chuối trồng cận ranh đất. Các nguyên đơn tranh chấp phần đất đã bị bà S lấn chiếm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không tranh chấp đất mộ và cũng không có tranh chấp đường đi vào mộ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như sau:

- Buộc Nguyễn Thị S trả cho bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P phần đất có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre (thửa cũ là 1595, tờ bản đồ số 05).

- Buộc bà Nguyễn Thị S phải di dời tất cả tài sản ra khỏi phần đất. Bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P không đồng ý bồi thường chi phí thiệt hại và chi phí di dời.

- Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Các nguyên đơn bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Các nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, thẩm định, định giá. Đối với chi phí tố tụng thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Tấn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Các nguyên đơn trình bày là không đúng. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà S để lại cho bà S. Bà S là người trực tiếp sử dụng đất từ năm 1979 cho đến nay. Việc bà S được cha mẹ cho đất này thì có bà Nuôi và các chị em của bà S biết rõ.

Khi có đo đạc lần đầu, bà S là người trực tiếp kê khai tại thửa 1595 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc bà S kê khai đất không có ai tranh chấp hay ngăn cản gì. Thời điểm đăng ký kê khai đất thì ông H sinh sống ở địa phương có đăng ký kê khai nhiều thửa đất khác nhưng lại không có đăng ký kê khai phần đất tranh chấp.

Bà S trực tiếp sử dụng đất, đến năm 2008 ông B là con bà S được Ủy ban nhân dân xã B cấp nhà tình thương trên phần đất nêu trên nhưng cũng không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Năm 2016, ông H có tranh chấp đất mộ với bà S. Ủy ban nhân dân xã B có hòa giải vào ngày 15/01/2016 nhưng không thành, ông H cũng không có khởi kiện đến Tòa án. Ông H chết năm 2018, bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2021 là đúng quy định của pháp luật.

Bà S không đồng ý việc các nguyên đơn cho rằng ngày 15/11/1990 (nhằm ngày 29/9/1990 âm lịch), họ tộc cùng anh em ông H, bà S có làm tờ thuận phân và quyết định của dòng họ chia cho ông Nguyễn Văn H phần đất nêu trên, cụ thể ông Cược được cho 6,5 công, bà Nuôi được cho 01 công, bà S được cho 1,5 công, ông Triều được cho 02 công, ông H được cho 13,3 công. Theo bà S các anh chị em của bà không có việc phân chia này, hơn nữa tại nội dung văn bản nêu trên cũng không nêu rõ chia đất vị trí nào, ở đâu... nên văn bản này không có giá trị pháp lý.

Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì bà S có ý kiến như sau:

- Bà Nguyễn Thị S không đồng ý trả cho bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P phần đất có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị S không đồng ý di dời tất cả tài sản trên đất

- Đối với yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre thì bà S không đồng ý.

Bà S không tranh chấp 07 ngôi mộ trên đất do đây là các ngôi mộ của cha mẹ và người thân của bà S.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X trình bày:*

Bà thống nhất lời trình bày của ông Đoàn, bà không có ý kiến gì thêm.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện L đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả cho bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P phần đất có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị S có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Giao cho bà Nguyễn Thị S được quyền sử dụng phần đất có diện tích 428m² thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre. Giao cho bà Nguyễn Thị S được tiếp tục sử dụng 03 cây dừa, 01 cây khế và các tài sản của bà trên đất.

- Buộc bà Nguyễn Thị S giao trả cho bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P số tiền 4.700.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về độ dài tứ cận, vị trí các thửa đất nêu trên có họa đồ kèm theo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thu thập chứng cứ, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/6/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P và ngày 12/6/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày

29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P trình bày:*

Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 16, (thửa cũ là thửa 1595, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre, chỉ yêu cầu đối với phần đất theo Hợp đồng thừa đất ngày 07/9/2023 là thửa 224 (phần 1) có diện tích 194.1m² để làm khu thổ mộ của gia đình và cho các nguyên đơn có lối đi vào vào khu mộ này. Đồng thời, các nguyên đơn cũng rút yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc phía bị đơn bồi thường cây trồng trên đất.

** Các nguyên đơn bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của bà P.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà S là ông Võ Tấn Đ trình bày:*

Đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn và phía bị đơn cũng xin rút yêu cầu kháng cáo đối với phần bồi thường cây trồng.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hồ Thị Ngọc Trinh trình bày:*

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau, đồng thời bị đơn cũng đã rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy, đình chỉ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L. Đối với sự thỏa thuận của các đương sự về phần đất để làm khu thổ mộ và lối đi vào khu mộ và việc bà S rút kháng cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P, bị đơn bà Nguyễn Thị S và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 428m², thuộc thửa số 224, tờ bản đồ số 16 (thửa cũ là thửa 1595, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại xã B, huyện L,

tỉnh Bến Tre được các đương sự thừa nhận có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị T là cha mẹ của bà S, ông H để lại. Nguyên đơn cho rằng phần đất này ông H được dòng họ phân chia theo “tờ thuận phân và quyết định của dòng họ” ngày 15/11/1990 (nhằm ngày 29/9/1990 âm lịch), còn bị đơn bà S cho rằng phần đất nêu trên bà được cha mẹ tặng cho vào năm 1979, bà là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 16 (thửa cũ là thửa 1595, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre, chỉ yêu cầu đối với phần đất theo Họa đồ thửa đất ngày 07/9/2023 là thửa 224 (phần 1) có diện tích 194.1m² để làm khu thổ mộ của gia đình và cho các nguyên đơn có lối đi vào khu mộ này. Đồng thời, các nguyên đơn cũng rút yêu cầu khởi kiện đối với việc buộc phía bị đơn bồi thường cây trồng trên đất.

[3] Xét thấy, yêu cầu này của các nguyên đơn cũng được sự đồng ý của phía bị đơn, đồng thời việc các bên thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc bà S đồng ý sử dụng chung phần đất có diện tích 228.6m², trong đó có 194.1m² thuộc thửa 224 (phần 1) làm khu thổ mộ chung của gia đình và 34.5m² thuộc thửa 224 (phần 3) làm lối đi chung vào khu thổ mộ thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre, đồng thời bà S đồng ý rút kháng cáo đối với phần bồi thường cây trồng trên đất. Do toàn bộ thửa đất số 224, tờ bản đồ số 16 (thửa cũ là thửa 1595, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre hiện bà S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời thửa 224 (phần 1) và thửa 224 (phần 3) cũng không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định nên các thửa đất này vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị S rút kháng cáo tại phiên

tòa nên phải chịu án phí phúc thẩm, tuy N và S thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P.

- Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P đối với phần diện tích đất thửa 224 (phần 2), diện tích 199.4m² thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre và yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây trồng.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện L. Cụ thể:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc bà Nguyễn Thị S đồng ý sử dụng chung phần đất có diện tích 228.6m², trong đó có 194.1m² thuộc thửa 224 (phần 1) làm khu thổ mộ chung của gia đình và 34.5m² thuộc thửa 224 (phần 3) làm lối đi chung vào khu thổ mộ thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng cấp sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P phải liên đới chịu toàn bộ số tiền là 3.145.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị K, bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

- Bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hồng P phải liên đới nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008456 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Hồng P không phải chịu. Hoàn trả số tiền bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004444 ngày 09/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện L (1b);
- Chi cục THADS huyện L (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (7b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt